SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 397 /YCBG-BVDLQN

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp Thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam có nhu cầu mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh trong năm 2027. Để có cơ sở trình hồ sơ dự toán NSNN về mua sắm tài sản, thiết bị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2027, Bệnh viện kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam *(nhà thầu)* quan tâm gửi báo giá thiết bị y tế, các tài liệu liên quan, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.

Địa chỉ: Đường N24, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

- Hồ Tấn Mẫn, Trưởng khoa Xét nghiệm - CĐHA - Dược - Vật tư y tế; Số điện thoại: 0979 094 394.

- Lê Thị Loan, nhân viên khoa Xét nghiệm - CĐHA - Dược - Vật tư y tế; Số điện thoại: 0961 180 609.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện tại địa chỉ: Khoa Xét nghiệm - CĐHA - Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.

- Địa chỉ: Đường N24, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

- Hồ sơ báo giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín. Bên ngoài phong bì gửi hồ sơ ghi rõ nội dung: *"Báo giá thiết bị y tế theo Yêu cầu báo giá số...../YCBG-BVDLQN ngày...../..... /2026 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam"* để tiện theo dõi.

4. Thành phần báo giá:

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

4.1. Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu **Phụ lục 2**.

4.2. Tài liệu kỹ thuật của hàng hoá báo giá mỗi loại 03 bộ, đóng dấu đỏ của hãng sản xuất hoặc của nhà cung cấp:

- Báo giá *(bản gốc, ghi rõ ngày/tháng/năm của báo giá, đóng dấu hợp pháp, trường hợp người ký báo giá là người được ủy quyền thì có Giấy Ủy quyền hợp pháp).*

- Bảng phụ lục mô tả cấu hình cơ bản và thông số, tính năng kỹ thuật chi tiết thiết bị phù hợp với yêu cầu.

- Catalog tiếng Anh *(nếu có)* và tiếng Việt tương ứng.

- Tài liệu pháp lý liên quan đến việc sản xuất, lưu hành, kinh danh, mua bán thiết bị y tế báo giá đúng theo quy định hiện hành về quản lý thiết bị y tế.

Lưu ý: Nhà cung cấp vui lòng gửi kèm bảng tóm tắt dịch nghĩa các thông số kỹ thuật tiếng Anh sang tiếng Việt *(có ký tên, đóng dấu xác nhận của văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối)*. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực của bản dịch này.

5. Thời hạn tiếp nhận, hiệu lực của báo giá:

- Hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải Yêu cầu báo giá đến 15 giờ 00 phút ngày 04/9/2026.

+ Sau thời điểm tiếp nhận báo giá, các nhà thầu phải gửi File mềm của hồ sơ về địa chỉ email: khoaxnduocbvdl@gmail.com *(gồm file PDF của toàn bộ hồ sơ đã gửi và file Word/Excel,...đối với Báo giá và Bảng phụ lục mô tả cấu hình cơ bản và thông số, tính năng kỹ thuật chi tiết).*

+ Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 360 ngày, kể từ ngày 04/9/2026.

II. Danh mục và nội dung yêu cầu:

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả yêu cầu về cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ghi chú
1	Tủ An toàn sinh học cấp 2	Cái	01	**Phụ lục 1** kèm theo	Đáp ứng đầy đủ các quy định về quản lý thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung và các văn bản hiện hành có liên quan.
2	Máy laser HE-NE	Máy	01		
3	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Máy	01		
4	Máy Intense Pulsed Light (IPL)	Máy	01		
5	Kính hiển vi 2 mắt	Máy	01		
6	Máy Laser CO2	Máy	01		
7	Máy HIFU	Máy	01		
8	Máy Laser Nano PICO Giây ND YAG Q-SWITCHED	Máy	01		
9	Máy Radio Frequency (RF)	Máy	01		
10	Kính hiển vi có gắng camera	Máy	01		
	Cộng: 10 mục				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Da liễu Quảng Nam

- Địa chỉ: Đường N24, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2027

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng: Không tạm ứng

5. Thông tin khác:

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm về các thông tin, giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình, đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Nhà thầu báo giá với giá đã bao gồm các loại thuế, phí, chi phí nhập khẩu, chi phí vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, đào tạo sử dụng vận hành,…; Cam kết hàng hóa có đầy đủ chứng từ, hồ sơ pháp lý theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;
- Trang thông tin điện tử bệnh viện;
- Lưu: VT, XN-D, TCHC&TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Cầm

Phụ lục 1:
YÊU CẦU CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 397 /YCBG-BVDLQN ngày 20/8/2026 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam)

STT	Tên thiết bị y tế	Cấu hình, thông số kỹ thuật
1	**Tủ an toàn sinh học cấp 2**	**I. Thông tin chung:** - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương - Nguồn điện: 220VAC ±10 % ~50/60 Hz - Bảo hành: Từ 12 tháng trở lên - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa đến 40℃. + Độ ẩm tối đa đến 90%. **II. Cấu hình:** - Bộ lọc HEPA kép (lọc khí hồi và khí thải): 02 Cái - Hệ thống quạt thổi khí chuyên dụng: 01 bộ - Đèn UV khử khuẩn: 01 Cái - Đèn LED chiếu sáng vùng thao tác: 01 Cái - Cửa kính trượt bảo vệ: 01 Cái (chất liệu kính cường lực) - Khay làm việc bằng thép không gỉ inox 304: 01 Cái - Bảng điều khiển: 01 Cái - Hướng dẫn sử dụng: Tiếng Anh/Tiếng việt: 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Khay làm việc bằng thép không rỉ có khoan lỗ làm tăng hiệu quả luân chuyển dòng khí, khay có thể dễ dàng tháo ra trong quá trình vệ sinh khu thao tác - Kích thước ngoài: W1200xD790xH1530 mm - Kích thước trong: W1090xD600x H700 mm - Tủ có đồng hồ chênh áp hiển thị áp suất bên trong tủ - Dòng khí hồi lưu 70%, 30% khí còn lại được thổi qua lọc HEPA trước khi ra ngoài môi trường - Chiều cao cửa làm việc: khoản 20cm - Vật liệu trong tủ bằng inox 304 - Tốc độ dòng khí xuống: 0.3 - 0.5m/s - Tốc độ dòng khí vào: >=0.4m/s - Tủ có 02 lọc HEPA hiệu quả lọc 99.99% hạt có kích thước 0.3um. Kích thước lọc HEPA đảm bảo cho 70% khí được hồi lưu - Cường độ đèn chiếu sáng: >700 lux - Độ ồn khi vận hành: <65dBA

		- Đèn UV loại 30W, bước sóng 254nm - Đèn LED chiếu sáng công suất khoản 36W - Điều khiển đèn chiếu sáng, đèn UV, quạt bằng phím cảm ứng được bố trí phía trước tủ - Cửa bằng kính cường lực dày khoản 5mm
2	**Máy laser HE-NE**	**I. Thông tin chung:** - Hàng mới 100%; - Sản xuất năm 2026 trở về sau; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Điều kiện làm việc: Nhiệt độ ≤ 40oC, Độ ẩm ≤ 80% - Nguồn điện sử dụng: AC 220V- 50/60 Hz - Bảo hành: ≥12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng **II. Cấu hình cho 1 hệ thống:** - Thân máy chính tích hợp bánh xe: 01 chiếc - Có giá đỡ hoặc tay đỡ điều chỉnh hướng chiếu - Trục khuỷu: 01 bộ - Chìa khóa máy: 02 cái - Dây nguồn: 01 dây - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Tiếng Việt: 01 quyển **III. Thông số kỹ thuật:** - Loại laser: He-Ne - Công suất phát laser: tối đa 50 mW - Công suất tiêu thụ 50W - Bước sóng: 632,8 nm - Số kênh phát: 01 kênh - Chế độ phát laser: liên tục - Thời gian điều trị: 1-30 phút
3	**Máy xét nghiệm huyết học tự động**	**I. Thông tin chung** - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 V, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 15°C - 30°C + Độ ẩm: 30% - 85% - Bảo hành: Từ 12 tháng trở lên **II. Cấu hình:** - Máy chính: 01 máy - Máy in: 01 cái - Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ (gồm hóa chất chạy mẫu và QC các mức) - Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt: 01 bộ

		III. Thông số kỹ thuật: **- Phương pháp đo** + Đếm tế bào máu: Đo trở kháng điện hoặc tương đương + Hemoglobin: Đo so màu hoặc tương đương + Hematocrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Phân tích các thành phần bạch cầu: Đo quang bằng tia Laser hoặc tương đương + Plateletcrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố hồng cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố tiểu cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương **- Thông số đo:** ≥ 23 thông số, có bao gồm WBC, NE%, LY%, MO%, EO%, BA%, NE, LY, MO, EO, BA, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, PCT, MPV, PDW **- Dải đo** + WBC: 0 – ≥290x10^3/µL + NE%: 0 – ≥99% + LY%: 0 – ≥99% + MO%: 0 – ≥99% + EO%: 0 – ≥99% + BA%: 0 – ≥99% + NE: 0 – ≥290x10^3/µL + LY: 0 – ≥290x10^3/µL + MO: 0 – ≥290x10^3/µL + EO: 0 – ≥290x10^3/µL + BA: 0 – ≥290x10^3/µL + RBC: 0 – ≥14x10^6/µL + HGB: 0 – ≥29g/dL + HCT: 0 – ≥99% + MCV: 20 – ≥190fL + MCH: 10- ≥50pg + MCHC: 10 – ≥50g/dL + PLT: 0 – ≥1400x10^3/µL + RDW: 0 – ≥50% + PCT: 0 – ≥2.5% + MPV: 0 – ≥20.0fL + PDW: 0 – ≥50.0% **- Độ lặp lại:** + WBC: ≤ 2.0% + NE%: ≤ 5.0% + LY%: ≤ 5.0% + MO%:≤ 12.0%

		+ EO%: ≤ 20.0% + BA%: ≤ 30.0% + RBC: ≤ 1.5% + HGB: ≤ 1.5% + MCV: ≤ 1.0% + PLT: ≤ 4.0% **- Thể tích mẫu:** + ≤ 55µL máu toàn phần (CBC+ DIFF); + ≤ 30µL máu toàn phần (CBC); + Máu pha loãng trước: ≤ 10µL hoặc ≤ 20µL. **- Công suất:** Khoản 60 mẫu /giờ **- Chế độ đo** + Ống mở + Ống đóng + Chế độ pha loãng trước + Chế độ bạch cầu cao + Chế độ bạch cầu thấp **- Màn hình:** + LCD 10.4 inch, đèn nền, màn hình cảm ứng + Độ phân giải: 800 x 600 dots + Hiển thị: dữ liệu số, biểu đồ tán xạ, biểu đồ, tình trạng đo, thông báo cảnh báo và các thông báo khác, các phím cảm ứng. **- Quản lý thông tin:** + Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings), XB + Có hiển thị cờ báo với các kết quả phân tích: ≥16 cờ báo + Có chức năng cảnh báo cho người sử dụng khi hoá chất gần hết và khi thùng chứa thải đầy + Có chức năng tự động loại bỏ tắc và đo lại + Khi bạch cầu cao, máy tự động chạy lại và đếm ở chế độ pha loãng mẫu cao hơn + Các dữ liệu số cho tất cả các thông số đếm đến 400 mẫu đo, biểu đồ và biểu đồ tán xạ đến 50 mẫu đo + Có thể lưu trữ được ≥15.000 kết quả khi gắn thêm thẻ nhớ SD
4	**Máy Intense Pulsed Light (IPL)**	**I. Yêu cầu chung :** - Thiết bị phải được sản xuất năm 2026 trở về sau, mới 100%; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng. **II. Cấu hình cung cấp:**

		- Máy chính di chuyển trên bánh xe - Dây nguồn: 01 - Tay điều trị DPC: 05 cái - Đầu lọc ánh sáng tương ứng theo tay cầm: tối thiểu 05 bước sóng - Công tắc điều khiển bàn đạp - Kính bảo vệ bác sĩ: 02 cái - Kính bảo vệ bệnh nhân: 01 bộ - Chân máy: 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 quyển **III. Thông số kỹ thuật:** - Tay điều trị DPC: 05 cái + Tay cầm điều trị mụn bước sóng 420 nm: 01 cái + Tay cầm điều trị giãn mao mạch bước sóng 535 nm: 01 cái + Tay cầm điều trị trẻ hóa, sắc tố bước sóng 580 nm: 01 cái + Tay cầm điều trị triệt lông bước sóng 635 nm: 01 cái + Tay cầm điều trị triệt lông tơ, trẻ hóa bước sóng 730nm: 01 cái - Bước sóng ánh sáng trong khoảng 400 đến 950 nm - Có 05 bước sóng: 420, 535, 580, 635, 730nm - Mật độ năng lượng: Lên tới 25J/cm² - Độ rộng xung trong: 10-100ms - Thời gian phát giữa 2 lần xung: từ 10 đến 100ms - Chế độ phát xung: xung đơn hoặc đa xung tuần tự - Tần số lặp lại: 0.4Hz-0.66Hz - Diện tích vùng trị liệu: chế độ AC/VP/SR: 3.4 cm2, chế độ HR: 6.4 cm2 - Hệ thống làm lạnh tuần hoàn; liên tục - Có cài đặt sẵn thông số cho tất cả các chỉ định điều trị của từng tay cầm.
5	**Kính hiển vi 2 mắt**	**I. Yêu cầu chung:** - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Điện áp sử dụng: AC 100-240V 50/60 Hz 0.4 A - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: Từ 5°C đến 40°C + Độ ẩm tối đa: tới 80% - Bảo hành: Từ 12 tháng trở lên **II. Cấu hình cung cấp:** - Thân kính hiển vi: 01 cái

		- Thị kính 10X, đường kính vi trường 20mm: 02 cái - Vật kính phẳng 4X/ độ mở 0.10, khoảng cách làm việc 27.8mm: 01 cái - Vật kính phẳng 10X/ độ mở 0.25, khoảng cách làm việc 8.0mm: 01 cái - Vật kính phẳng 40X/ độ mở 0.65, khoảng cách làm việc 0.6mm: 01 cái - Vật kính phẳng 100XOil/ độ mở 1.25, khoảng cách làm việc 0.13mm: 01 cái - Bàn sa trượt: 01 cái - Lọ dầu soi 8cc: 01 lọ - Túi phủ: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Hệ thống quang học Vô cực - Khoảng cách hội tụ của vật kính khoản 45mm - Đầu quan sát hai thị kính có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử 48 ÷ 75mm. Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát. - Thị kính 10X, quang trường rộng (FN): 20mm, góc nhìn khoản 30^0 - Mâm gắn vật kính: Có 4 vị trí lắp vật kính - Vật kính phẳng 4X/ độ mở 0.1, khoảng cách làm việc 27.8 mm - Vật kính phẳng 10X/ độ mở 0.25, khoảng cách làm việc 8.0 mm - Vật kính phẳng 40X/ độ mở 0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm - Vật kính phẳng 100XOil/ độ mở 1.25, khoảng cách làm việc 0.13 mm - Độ phóng đại: 1000 lần - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục để điều chỉnh tinh hoặc thô - Hành trình di chuyển X x Y: 76 x 30mm - Tụ quang có độ mở (NA) 1.25, có 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng từ 1.8 – 29 mm - Nguồn sáng: Đèn LED, công suất 0.5W, tuổi thọ 20.000 giờ - Điều chỉnh tiêu cự tinh/thô, giới hạn điều chỉnh tiêu cự 15 mm. Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tinh là 2.5µm. Điều chỉnh tinh 0.3 mm/vòng quay - Khóa tiêu cự bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác

		động bên ngoài gây hỏng - Chống trộm trên thân kính có đầu nối dùng cho khóa kính
6	**Máy Laser CO2**	**I. Thông tin chung:** - Thiết bị được sản xuất năm 2026 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: 220-250VAC, 50/60Hz phù hợp với mạng lưới điện Việt Nam. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ 10 °C ~40°C + Độ ẩm 10%~ 80% - Bảo hành: ≥12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng. **II. Cấu hình cho 1 hệ thống:** Máy laser CO2 kèm phụ kiện bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Bàn đạp chân: 01 cái - Kính bảo vệ bác sĩ: 01 cái - Kính bảo vệ bệnh nhân: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Loại laser: Laser CO2 - Bước sóng: 10.600 nm - Năng lượng đầu ra cực đại: 30W - Có 02 chế độ hoạt động - Độ rộng xung từ 100 µs đến 2.000 µs - Tần số phát xung từ 10 Hz - 1.000 Hz
7	**Máy HIFU**	**I. Thông tin chung:** - Thiết bị mới 100% - Sản xuất từ năm 2026 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Bảo hành: ≥12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng. **II. Cấu hình cho 1 hệ thống:** - Thân máy: 01 - Tay cầm điều trị: 01 - Đầu tip điều trị: 12 loại đầu type khác nhau - Cáp đầu tip: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Công tắc chân:01 - Kệ đẩy: 01

		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh: 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Loại năng lượng: Siêu âm hội tụ cường độ cao - Điện áp định mức: AC 100~240V, 50/60Hz - Công suất tiêu thụ : 80~150 VA - Cường độ : 0.1 ~ 2.0 J (Tối đa ~4.0J) - Khoảng cách : 1,0 ~ 5,0mm * Gồm 12 mã đầu Tip phân làm 4 nhóm: - Đầu tip C10S, N10S, P10S: + Tần số 10 MHz (±20%) + Chiều dài (mm) 1.0 mỗi bước: C10S (5–30 mm), N10S (5–15 mm), P10S (N/A) + Độ sâu: 1.2 – 1.8 mm - Đầu tip C7M, N7M, P7M: + Tần số 7 MHz (±20%) + Chiều dài (mm) 1.0 mỗi bước: C7M (5–30 mm), N7M (5–15 mm), P7M (N/A) + Độ sâu: 2.4 – 3.6 mm - Đầu tip C7D, C4D, P4D: + Tần số 4 MHz (±20%) + Chiều dài 1.0 mỗi bước: C7D, C4D (5–30 mm), P4D (N/A) + Độ sâu: 3.6 – 5.4 mm - Đầu tip C3N, C3C, C3F: + Tần số 3 MHz (±20%) + Chiều dài 1.0 mỗi bước: 5–30 mm + Độ sâu: C3N (8.0 mm), C3C (13.0 mm), C3F (18.0 mm) 2. Kích thước đầu tip (Sâu x Rộng x Cao) - Đầu tip vùng mặt: 200 x 28 x 73 mm - Đầu tip dạng bút: 20 x 25 x 150 mm - Đầu tip cơ thể: 92 x 52 x 88 mm
8	**Máy Laser Nano PICO Giây ND YAG Q-SWITCHED**	**I. Thông tin chung:** - Máy mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, FDA, CE - Bảo hành: ≥12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng. **II. Cấu hình cho 1 hệ thống:** - Máy chính (có bánh xe di chuyển và có khoá bánh xe) : 01 Máy - Đầu chiếu tia xoá các thương tổn sắc tố như nám, tàn nhang, bớt sắc tố dùng cho bước sóng 1064nm và 532nm

		: 01 cái - Đầu chiếu tia vi điểm sử dụng cho bước sóng 1064nm : 01 cái - Đầu chiếu tia vi điểm sử dụng cho bước sóng 532nm : 01 cái - Kính bác sĩ : 03 cái - Kính bệnh nhân : 01 cái - Bộ dụng cụ châm nước : 01 bộ - Bàn đạp chân : 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng Anh Việt : 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Loại laser: laser Nd:YAG - Có tia dẫn đường - Điều khiển xung: Công tắc chân (bảo vệ hai lớp) - Hệ thống làm lạnh: Bằng nước kín trong máy - Môi trường hoạt động: 10 – 30 độ C - Độ ẩm hoạt động ≥ 75% **1. Tính năng:** - Thiết bị sử dụng trong điều trị hầu hết các màu xăm, mực xăm, điều trị tổn thương sắc tố biểu bì và hạ bì, bớt Ota ,… tuỳ theo đầu chiếu sử dụng *** Có chứng nhận FDA cho các chỉ định điều trị** • Tại bước sóng 1064nm chế độ pico giây + Xoá hình xăm cho mọi loại da và có màu sắc như : Đen, nâu, xanh lá cây, xanh dương và tím + Điều trị sẹo, mụn ở loại da Fitzpatrick II-V + Điều trị melasma ở loại da Fitzpatrick I-IV + Điều trị Nevus và Ota ở loại da Fitzpatrick III-IV • Tại bước sóng 532nm chế độ pico giây + Xoá hình xăm cho loại da Fitzpatrick I-III màu sắc như : Đỏ, Vàng và Cam. + Điều trị các nếp nhăn ở loại da Fitzpatrick I-IV. + Điều trị Melasma ở loại da I – IV + Điều trị Café Au lait ở loại da I – IV - Hệ thống phát tia: loại tay truyền khớp nối với đầu chiếu thuận tiện di chuyển trong quá trình điều trị - Có đầu chiếu riêng biệt, vi điểm để sử dụng mục đích trẻ hoá da , xoá sẹo mụn ở bước sóng 1064nm và 532nm **2. Thông số:** - Chế độ phát xung Pico giây - Thiết bị đáp ứng 2 bước sóng gồm : 1064nm và 532nm **- Năng lượng xung ở các bước sóng** + 1064nm : ≥ 400mJ + 532nm : ≥ 200mJ

		- Độ rộng xung + 1064nm: ≤ 450 ps + 532nm: ≤ 375 ps **- Công suất đỉnh của bước sóng** + 1064nm: ≥ 0.8 GW + 532nm: ≥ 0.5 GW **Kích thước điểm chiếu:** - Kích thước điểm chiếu bước sóng 1064nm: có thể điều chỉnh được các kích thước điểm chiếu đơn vị : 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mm hoặc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12 mm - Kích thước điểm chiếu bước sóng 532nm: có thể điều chỉnh được các kích thước điểm chiếu đơn vị : 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mm hoặc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12 mm **Tần số phát xung**: Điều chỉnh được từ 1 đến 10 HZ - Màn hình cảm ứng ≥ 10 inch **Đầu chiếu bước sóng 1064nm và 532nm:** - Bước sóng đầu ra tuỳ chọn 1064nm và 532nm - Có thể điều chỉnh giữa kích thước điểm chiếu **Đầu chiếu bước sóng vi điểm 1064nm:** - Sử dụng trong điều trị sẹo mụn, và điều trị nám má. - Bước sóng đầu ra 1064nm - Đầu chiếu phân tách chùm tia laser thành vi điểm bước sóng 1064nm - Có kích thước điểm chiếu dạng hình vuông : ≥ 5mm x 5mm **Đầu chiếu bước sóng vi điểm 532nm** - Sử dụng để loại bỏ tổn thương sắc tố lành tính - Bước sóng đầu ra 532nm - Đầu chiếu phân tách chùm tia laser thành vi điểm bước sóng 532nm - Có kích thước điểm chiếu dạng hình vuông : ≥ 5mm x 5mm
9	**Máy Radio Frequency (RF)**	**I. Thông tin chung:** - Hàng mới 100%; - Sản xuất năm 2026 trở về sau; - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; - Nguồn điện cung cấp: 100 - 240 VAC, 50-60Hz - Bảo hành: ≥12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng. **II. Cấu hình cho 1 hệ thống:** - Thân máy chính: 01 - Màn hình: 01 - Đầu điều trị xâm lấn - Đầu điều trị không xâm lấn

		- Bàn đạp: 01 - Dây nguồn: 01 - Giá đỡ đầu chiếu điều trị: 01 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh: 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật:** - Công nghệ: Sóng RF - Tần số: 1 MHz / 2 MHz - Công suất: Tối đa 60W - Mức năng lượng RF: Tối đa 10 cấp độ - Chế độ phát xung: Liên tục/ Ngắt quãng - Tốc độ lặp lại xung: 0.5 ~ 3 giây (tăng giảm theo bước 0.5 giây) - Màn hình điều khiển: Màn hình cảm ứng LCD - Hệ thống làm mát: Làm mát bằng không khí - Trọng lượng máy: 30 kg - Kích thước (bao gồm tay cầm): 390mm (Rộng x 520mm (Dài) x 1400mm (Cao)
10	**Kính hiển vi có gắng camera**	**I. Yêu cầu chung** - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Bảo hành: Từ 12 tháng trở lên **II. Cấu hình chung bao gồm** 1. Kính hiển vi ba mắt: 01 2. Camera kỹ thuật số: 01 3. Bộ máy tính + máy in: 01 **III. Thông số kỹ thuật:** **1. Kính hiển vi:** - Thân kính hiển vi: 01 cái - Đầu quan sát 3 mắt: 01 cái - Thị kính 10X, vi trường quan sát 20mm: 02 cái - Vật kính phẳng tiêu sắc 4X: 01 cái - Vật kính phẳng tiêu sắc 10X: 01 cái - Vật kính phẳng tiêu sắc 40X: 01 cái - Vật kính phẳng tiêu sắc 100XO: 01 cái - Hộp tụ quang có 7 vị trí: 01 cái - Lọ dầu soi 8cc: 01 lọ - Dây nguồn: 01 cái - Bao che bụi: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ **Thông số kỹ thuật:** - Khoảng cách hội tụ của vật kính 45 mm - Hệ thống quang học: Vô cực

		- Hệ thống chiếu sáng đèn LED, tuổi thọ 60.000 giờ - Đầu quan sát loại chống mốc 3 đường truyền quang có bộ phận tách sáng theo tỷ lệ (50/50). - Mâm gắn vật kính: Có 5 vị trí gắn vật kính - Vật kính phẳng tiêu sắc 4X/ độ mở 0.1 khoảng cách làm việc 18.5 mm - Vật kính phẳng tiêu sắc 10X/ độ mở 0.25 khoảng cách làm việc 10.6 mm - Vật kính phẳng tiêu sắc 40X/ độ mở 0.65 khoảng cách làm việc 0.6 mm - Vật kính phẳng tiêu sắc 100XO/ độ mở 1.25 khoảng cách làm việc 0.13 mm - Thị kính 10X, đường kính vi trường rộng 20mm, nghiêng 30^{o} - Điều chỉnh tiêu cự: Điều chỉnh tiêu cự tinh/thô, giới hạn điều chỉnh tiêu cự khoản 15 mm, chu kỳ xoay của núm điều chỉnh thô là 36.8 mm. Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tinh là 2.5 µm - Kích thước bàn sa trượt 211 x 154 mm. Di chuyển theo 2 trục 76 mm (X) x 52mm (Y) - Hộp tụ quang loại Abbe NA 1.25, có 7 vị trí dùng cho kỹ thuật trường sáng, phân cực, huỳnh quang, phản pha và nền đen **2. Camera kỹ thuật số:** - Cảm biến hình ảnh: cảm biến màu CMOS - Kích thước cảm biến: ≥51/1.8 inch - Độ phân giải: ≥5 Megapixel - Độ phân giải tối đa: 2592 x 1944 pixels - Kích thước pixel: 2.4 µm x 2.4 µm - Thời gian phơi sáng: từ 1 ms đến 918 ms - Tỉ lệ khung hình động: + Đạt tới 30 fps (On PC, 1920 × 1080 pixels) + Đạt tới 60 fps (HDMI Output, 1920 × 1080 pixels) + Đạt tới 25 fps (WLAN Output, 1920 × 1080 pixels) - Truyền dữ liệu: HDMI, WLAN (sử dụng đầu nối WLAN), Ethernet (sử dụng đầu nối USB-to-Ethernet)

Ghi chú:

- Nguồn điện cung cấp cho các thiết bị báo giá phải phù hợp với thực tế lưới điện hiện có tại Việt Nam; Thời gian bảo hành tối thiểu từ 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng.

- Yêu cầu cấu hình kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các Đơn vị cung cấp. Các Đơn vị có thể chào giá hàng hóa có cấu hình kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

Phụ lục 2:

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 397 /YCBG-BVDLQN ngày 20/8/2026 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam)

CÔNG TY……
MÃ SỐ THUẾ: ……
ĐỊA CHỈ: ……..
EMAIL:……..
SỐ ĐIỆN THOẠI: ……...

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Quảng Nam

Địa chỉ: Đường N24 - phường Tam Kỳ - thành phố Đà Nẵng

Theo Yêu cầu báo giá số...../YCBG-BVDLQN ngày...../..../2026 của bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model,hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Chi phí các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Đặc tính kỹ thuật	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*

- Báo giá này có hiệu lực 360 ngày kể từ ngày 04/9/2026.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Trong trường hợp có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

……ngày … tháng …. năm ….
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)